

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày: 12 – 11 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Nguyễn Hoàng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần KL (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Tuấn A: Ông Ngô Văn Q; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh ĐT.

Địa chỉ: Số 30, đường LTK, Phường 1, thành phố CL, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số: 1203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018).

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn Q: Ông Dương Minh T, sinh năm 1990; chức vụ: Quyền Trưởng phòng khách hàng cá nhân kiêm Quyền Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh ĐT.

Địa chỉ: Số 30, đường LTK, Phường 1, thành phố CL, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Số 60B, ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Dương Minh T có mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị Kim N vắng mặt

tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL trình bày:

Ngày 25/10/2018, chị Nguyễn Thị Kim N và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số TC00261/HĐTD. Theo Hợp đồng tín dụng, chị N vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích vay: Mua bán nhỏ; thời hạn vay là 180 ngày; ngày đáo hạn: 24/4/2019; loại hình tín dụng: Trả góp vốn và lãi theo định kỳ hàng ngày; Lãi suất 14,94%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số TC00261/HĐTD-CC ngày 25/10/2018 là xe loại FUTURE FI, nhãn hiệu HONDA, số khung 5386EZ086881, số máy JC54E3135349, màu sơn: Đỏ Ghi, biển số 66B1-328.54, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy do Nguyễn Thị Kim N đứng tên, Công an huyện Thanh Bình cấp ngày 24/8/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị N không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng chị N cũng không thực hiện đúng như cam kết. Tính đến ngày 12/11/2019, chị N nợ Ngân hàng nợ gốc là 15.840.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 996.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.246.794 đồng, tổng cộng 19.082.794 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần KL yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 19.082.794 đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng). Yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 13/11/2019 đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp chị N không thanh toán nợ hoặc thanh toán không hết khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố đã ký kết.

Sau khi chị N hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại tài sản cầm cố cho chị N theo Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số TC00261/HĐTD-CC ngày 25/10/2018.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Bản sao, gồm 01 bản, 01 trang).

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Bản sao gồm 01 bản, 01 trang).

- Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố, tờ trình tín dụng kèm thẩm định tài sản (Bản sao gồm 01 bản, 01 trang).

- Bảng kê tính lãi đến ngày 12/11/2019 (Bản chính, đánh máy gồm 02 trang).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim N cư trú tại Số 60B, ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số TC 00261/HĐTD-CC ngày 25/10/2018.

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Kim N đã ký kết Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1700197787; chị N có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng thì Ngân hàng và chị N đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố giữa Ngân hàng và chị N có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần KL về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 19.082.794 đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng). Yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 13/11/2019 đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị N số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 25/10/2018. Theo thỏa thuận, chị N có trách nhiệm trả lãi và gốc hàng ngày cho Ngân hàng kể từ ngày 26/10/2018. Tuy nhiên, chị N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận kể từ ngày 25/12/2018. Như vậy, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị N trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 15.840.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1

Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và chị N có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị N trả số tiền lãi 3.242.794.000 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 13/11/2019 theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho chị N nhưng chị N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, chị N phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay theo lời trình bày của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần KL yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 19.082.794 đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản cầm cố: Tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, giữa Ngân hàng và chị N có thỏa thuận về việc xử lý tài sản cầm cố nếu bên được vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố đã ký kết để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi chị N hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản cầm cố cho chị N theo Hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố số TC00261/HĐTD-CC ngày 25/10/2018 theo quy định tại Điều 302, khoản 4 Điều 313 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 299, Điều 302, khoản 4 Điều 313, khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền gốc là 15.840.000 đồng và tiền lãi 3.242.794 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 19.082.794 đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số TC 00261/HĐTD-CC ngày 25/10/2018 để đảm bảo thu hồi nợ.

Sau khi chị N hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản cầm cố cho chị N theo Hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố số TC00261/HĐTD-CC ngày 25/10/2018.

Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 954.000 đồng (Chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số BH/2018/0003752 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên